

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/DS-ST
Ngày: 19-6-2020
V/v “Tranh chấp hợp đồng mua
bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Loan

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Quang Hoạch và ông Doãn Đức Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hữu Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, Tòa án xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 353/2019/TLST-DS, ngày 27 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 107/2020/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Ngô Thụy Ngọc A, sinh năm 1980

Trú tại: Số 687C, ấp T, xã B, huyện Tr, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1966.

Cùng trú tại: Ấp T, xã S, huyện Tr, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Ngô Thụy Ngọc A trình bày: Do quen biết với vợ chồng ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị H nên từ tháng 4/2019, đến tháng 7/2019, chị A có bán cám heo thiếu cho ông K, bà H nhiều lần. Mỗi lần ông K, bà H thiếu thì chị A có cho ông bà ký vào giấy nhận nợ, cụ thể như sau:

- Ngày 06/4/2019, ông K và bà H vay số tiền 63.000.000 đồng, lãi thỏa thuận là 0%/ tháng, hạn thanh toán 06/7/2019. Quá hạn thanh toán lãi suất áp dụng 2%/ tháng;

- Ngày 15/4/2019, ông K và bà H vay số tiền 46.950.000 đồng, lãi thỏa thuận là 0%/ tháng, hạn thanh toán 15/7/2019. Quá hạn thanh toán lãi suất áp

dụng 2%/ tháng;

- Ngày 20/4/2019, ông K và bà H vay số tiền 58.600.000 đồng, lãi thỏa thuận là 0%/ tháng, hạn thanh toán 20/7/2019. Quá hạn thanh toán lãi suất áp dụng 2%/ tháng;

- Ngày 27/4/2019, ông K và bà H vay số tiền 44.750.000 đồng, lãi thỏa thuận là 0%/ tháng, hạn thanh toán 27/7/2019. Quá hạn thanh toán lãi suất áp dụng 2%/ tháng;

- Ngày 03/5/2019, ông K và bà H vay số tiền 84.600.000 đồng, lãi thỏa thuận là 0%/ tháng, hạn thanh toán 03/8/2019. Quá hạn thanh toán lãi suất áp dụng 2%/ tháng;

- Ngày 14/5/2019, ông K và bà H vay số tiền 56.800.000 đồng, lãi thỏa thuận là 0%/ tháng, hạn thanh toán 14/8/2019. Quá hạn thanh toán lãi suất áp dụng 2%/ tháng;

- Ngày 23/5/2019, ông K và bà H vay số tiền 81.700.000 đồng, lãi thỏa thuận là 0%/ tháng, hạn thanh toán 23/8/2019. Quá hạn thanh toán lãi suất áp dụng 2%/ tháng;

- Ngày 30/5/2019, ông K và bà H vay số tiền 58.700.000 đồng, lãi thỏa thuận là 0%/ tháng, hạn thanh toán 30/8/2019. Quá hạn thanh toán lãi suất áp dụng 2%/ tháng;

- Ngày 11/6/2019, vay số tiền 83.750.000 đồng, lãi thỏa thuận là 0%/ tháng, hạn thanh toán 11/9/2019. Quá hạn thanh toán lãi suất áp dụng 2%/ tháng;

- Ngày 22/6/2019, ông K và bà H vay số tiền 37.500.000 đồng, lãi thỏa thuận là 0%/ tháng, hạn thanh toán 22/9/2019. Quá hạn thanh toán lãi suất áp dụng 2%/ tháng.

Mục đích vay là để mua cám.

Tổng số tiền ông K và bà H nợ chị A là 579.196.000 đồng. Ngày 22/12/2019, ông bà đã trả cho chị A số tiền 10.000.000 đồng. Số tiền ông bà còn nợ chị A là 569.196.000 đồng. Lý do chị A đưa cho ông K và bà H ký giấy nhận nợ mỗi khi mua cám thiếu là vì mỗi khi ông bà đến mua cám thì chị A gọi về Công ty cám chở cám giao cho ông bà, còn tiền thì chị A tự trả cho công ty nên chị A đã yêu cầu ông K, bà H viết giấy nhận nợ tiền vay. Tại phiên tòa, chị A xác định tiền ông K bà H thiếu là tiền mua cám và vẫn tiếp tục yêu cầu Tòa án buộc ông K và bà H phải thanh toán cho chị số tiền còn thiếu là 569.196.000 đồng. Còn tiền lãi chị A chỉ lấy ông bà mức lãi cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định là 9%/ năm tính từ ngày đến hạn trả lãi của khoản vay cuối cùng là 22/9/2019 cho đến ngày 22/5/2020 là 08 tháng với số tiền lãi là 34.151.000 đồng. Đồng thời, yêu cầu ông K, bà H phải tiếp tục trả lãi nếu chậm thanh toán sau khi tòa xét xử theo mức lãi 9%/ năm.

Bị đơn Nguyễn Thị H và Nguyễn Văn K thống nhất trình bày: Ông bà là người nuôi heo nhiều năm nay. Từ tháng 4/2019 đến tháng 7/2019, ông bà có mua cám và có thiếu nợ tiền cám của chị A. Trong mỗi đợt mua cám thiếu thì vợ

chồng ông bà có ký vào giấy nhận nợ của chị A, nếu chậm trả thì phải trả lãi như trong hợp đồng. Ông bà thừa nhận tổng số tiền cầm còn nợ chị A là 579.196.000 đồng chứ ông bà không vay tiền. Ngày 22/12/2019, ông bà đã trả cho chị A số tiền 10.000.000 đồng. Do dịch lợn tả châu phi nên ông bà chưa trả kịp thời cho chị Ánh. Số tiền cầm ông bà còn nợ lại chị A là 569.196.000 đồng. Nay, ông bà đồng ý trả số tiền này cho chị A, còn lãi 34.151.000 đồng ông bà không đồng ý trả cho chị A vì ông bà làm ăn thua lỗ không có khả năng trả, lãi suất chậm thì hành án ông bà cũng không đồng ý trả.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định. Về quan điểm giải quyết vụ án: yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền còn thiếu là 569.196.000 đồng, tiền lãi và lãi chậm thi hành án như nguyên đơn yêu cầu. Buộc bị đơn phải đóng án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ban đầu, chị Ngô Thụy Ngọc A khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị H trả số tiền đã vay để mua cầm của chị A là 569.196.000 đồng và tiền lãi. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, ông K và bà H cho rằng mặc dù có ký giấy vay tiền, trong đó có thỏa thuận lãi, nhưng khoản nợ ấy là khoản nợ từ việc ông bà mua cầm thiếu của chị A vì chị A làm nghề bán cầm, nếu chậm trả thì phải chịu lãi như trong hợp đồng. Tại phiên tòa, chị A cũng thừa nhận việc bán cầm cho ông K và bà H như ông K và bà H trình bày và yêu cầu ông bà phải trả số tiền cầm còn thiếu là 569.196.000 đồng (thay vì yêu cầu trả số tiền vay còn thiếu như trong đơn khởi kiện) và tiền lãi chậm thanh toán. Xét thấy, việc thay đổi từ yêu cầu trả tiền vay qua yêu cầu trả tiền cầm còn thiếu là đúng bản chất sự việc, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu của chị A nên Hội đồng xét xử xác định đây là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”. Căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

[2.1] Về yêu cầu trả số tiền 569.196.000 đồng của nguyên đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, cả hai bên đều thừa nhận số nợ 569.196.000 đồng. Đây là số nợ do ông K và bà H mua cầm thiếu của chị A. Số nợ được các bên thống nhất và thừa nhận. Ông K và bà H đồng ý trả số tiền mua cầm còn thiếu cho chị A nên Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về số tiền nợ 569.196.000 đồng. Buộc ông K và bà H phải có nghĩa vụ trả cho chị A số tiền này.

[2.2] Về yêu cầu tính lãi của chị A, HĐXX xét thấy: Ông K và bà H mua cầm thiếu của chị A, cả hai bên có viết giấy nhận nợ và tính lãi suất 0% trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày vay (ngày lấy cầm), hết 03 tháng lãi thỏa thuận 2%/tháng. Trong quá trình làm việc và tại phiên tòa, ông K và bà H thừa nhận mỗi lần mua cầm đều viết giấy nhận nợ, thỏa thuận thời hạn trả lãi trong giấy nhận nợ, tuy nhiên, ông bà không đồng ý trả tiền lãi cho chị A vì cho rằng mình có mua cầm và thỏa thuận trả lãi nhưng ông bà bị dịch lợn tả Châu Phi nên không có khả năng trả lãi. Tuy nhiên, theo Điều 357 Bộ Luật Dân sự 2015 về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền quy định như sau: "*1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. 2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này*". Tại phiên Tòa, chị A chỉ yêu cầu ông K và bà H phải thanh toán số tiền lãi theo mức lãi 9%/ năm đối với tất cả các khoản nợ, tính từ ngày đến hạn thanh toán (22/9/2019) của giấy nhận nợ cuối cùng cho đến ngày 22/5/2020. Xét thấy, ông K và bà H chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên phải chịu lãi và mức lãi của chị A yêu cầu (9%) không vượt mức lãi quy định tại Điều 357 Bộ Luật Dân sự 2015 nên được chấp nhận. Vì vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị A, buộc ông K và bà H có nghĩa vụ trả cho chị A số tiền lãi tính từ ngày 22/9/2019 đến ngày 22/5/2020, với mức lãi suất 9%/ năm với số tiền là 34.151.000 đồng (569.196.000 đồng x 8 tháng x 9%/12 tháng). Tổng số tiền ông K, bà H phải trả cho chị A là 603.347.000 đồng.

[2.3] Đối với yêu cầu trả lãi chậm thi hành án của chị A, HĐXX xét thấy: Các bên có thỏa thuận mức lãi 2%/ tháng. Tuy nhiên, tại phiên tòa, mức lãi chậm thi hành án chị A yêu cầu là 9%/ năm, xét mức lãi này không vượt quá mức quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao nên được chấp nhận. Do đó, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông K, bà H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 9%/ năm cho chị A.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của chị A được chấp nhận nên chị A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Ông K và bà H phải chịu 28.133.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom thì thấy cơ bản phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 351, 352, 357, 430, 440 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thụy Ngọc A đối với ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị H về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Buộc ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị H phải trả cho chị Ngô Thụy Ngọc A số tiền cầm còn thiếu là 569.196.000 đồng và 34.151.000 đồng tiền lãi. Tổng số tiền ông K và bà H phải trả cho chị A là 603.347.000 đồng (Sáu trăm lẻ ba triệu ba trăm bốn mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông K, bà H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 9%/ năm cho chị A.

2. Về án phí:

- Ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị H phải chịu 28.133.000 đồng (Hai mươi tám triệu một trăm ba mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Ngô Thụy Ngọc A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho chị Ngô Thụy Ngọc A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.042.000 đồng (Mười bốn triệu không trăm bốn mươi hai nghìn đồng), theo biên lai thu số 0006768 ngày 25/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom.

3. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Trảng Bom;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục T.H.A. dân sự huyện Trảng Bom;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Ngọc Loan

